

BÁO CÁO

**Sơ kết 02 năm thực hiện Kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia
giai đoạn 2016-2018 và phương hướng thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2018-2020**

Thực hiện Công văn số 612/SGDDĐT-KHTC ngày 02/7/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2016-2020, UBND thành phố Bắc Giang đánh giá tình hình thực hiện công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2018 và phương hướng thực hiện kế hoạch giai đoạn 2018-2020, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2018

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện

- Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được cấp ủy, chính quyền thành phố và các phường, xã quan tâm chỉ đạo thực hiện, xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế xã hội của thành phố hàng năm và trong cả giai đoạn; được cụ thể hóa trong nghị quyết của cấp ủy đảng và HĐND các cấp, trong đó việc xây dựng phòng học kiên cố, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được giao trong chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Công tác xây dựng kế hoạch được UBND thành phố triển khai hàng năm và hướng dẫn UBND các phường, xã tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định.

- Chỉ đạo Phòng TC-KH xây dựng cơ chế đầu tư từ ngân sách thành phố ngay từ đầu năm; rà duyệt, ưu tiên bố trí ngân sách cho các trường trong kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

- Chỉ đạo các phòng: TC - KH, Tài nguyên và Môi trường, ... chủ động phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND thành phố và hướng dẫn các trường huy động các nguồn lực, đảm bảo diện tích đất trường học, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bố trí đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ... đảm bảo theo đúng quy định của trường học đạt chuẩn quốc gia.

2. Kết quả xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo từng mức độ

Tính đến tháng 6 năm 2018, toàn thành phố có 50/54 trường học đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 92,6%. Trong đó, bậc mầm non có 18 trường đạt chuẩn quốc gia (10 trường đạt mức độ 1, 08 trường đạt mức độ 2); bậc tiểu học có 16 trường đạt chuẩn quốc gia (11 trường đạt mức độ 1, 05 trường đạt mức độ 2); bậc THCS có 16 trường đạt chuẩn quốc gia.

Toàn thành phố có 16/16 xã, phường có các trường ở cả 3 bậc học trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia; có 12 xã, phường có 100% các trường (MN, TH, THCS) đạt chuẩn quốc gia. Còn 04 phường còn trường chưa đạt chuẩn quốc gia: Phường Xương Giang còn Trường THCS Lê Quý Đôn do mới thành lập và đi vào hoạt động từ năm học 2017-2018; phường Đình Kế còn Trường Mầm non Quốc tế Asean do mới thành lập; phường Hoàng Văn Thụ

còn Trường Tiểu học Thu Hương (đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị UBND tỉnh kiểm tra, công nhận); phường Lê Lợi còn Trường Mầm non Lê Lợi (đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị UBND tỉnh kiểm tra, công nhận).

Ước đến hết năm 2018 thành phố có 52 trường học đạt chuẩn quốc gia, tăng 02 trường, kế hoạch đến năm 2020 thành phố có 100% trường học đạt chuẩn quốc gia.

3. Công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Hàng năm, căn cứ quyết định giao biên chế của UBND tỉnh, UBND thành phố phân bổ biên chế cho các nhà trường phù hợp với thực tiễn của các đơn vị trên địa bàn; đồng thời rà soát bổ sung tuyển dụng đối với giáo viên ở các bộ môn còn thiếu đảm bảo số lượng, chất lượng và cơ cấu giáo viên theo quy định.

Hiện thành phố có 100% CBQL, giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên, trong đó tỉ lệ trên chuẩn đạt cao: Mầm non: 86,3%, tăng 2,8%; Tiểu học: 98,0%, tăng 4,9%; THCS: 84,1%, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm học trước.

Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, năng lực tổ chức điều hành, cải tiến đổi mới phương pháp quản lý giáo dục, nâng cao hiệu quả công tác quản lý trong các nhà trường được quan tâm thực hiện. Hàng năm, vào đầu năm học Phòng TC-KH phối hợp với Phòng GD&ĐT tổ chức lớp tập huấn công tác quản lý tài chính cho Hiệu trưởng, Kế toán các nhà trường. Cử cán bộ quản lý có năng lực tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức nghiêm túc, hiệu quả, sau đó Phòng GD&ĐT tổ chức triển khai tập huấn cho toàn thể cán bộ quản lý trên địa bàn thành phố.

4. Chất lượng và hiệu quả giáo dục

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ thực hiện chương trình giáo dục mầm non, phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; định hướng nghề nghiệp và phân luồng trong giáo dục phổ thông, chất lượng năm học 2017-2018:

- Bậc mầm non: Công tác nuôi dưỡng và chăm sóc bảo vệ sức khỏe được quan tâm, chú trọng; 100% nhóm, lớp được ăn bán trú tại trường. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân với nhà trẻ 1,53% (giảm 4,07% so với đầu năm); với mẫu giáo 1,69% (giảm 4,7% so với đầu năm); suy dinh dưỡng thể thấp còi với nhà trẻ 1,77% (giảm 4,98% so với đầu năm), mẫu giáo 2,74% (giảm 4,84% so với đầu năm).

- Bậc tiểu học: Kết quả cuối năm học HS được đánh giá thường xuyên: Các môn học đều hoàn thành: 15.088 HS, đạt 99,7%; có môn học chưa hoàn thành: 46 HS, chiếm 0,3%. Đánh giá định kỳ: Các bài kiểm tra đạt 5 trở lên: 15.074 HS, đạt 99,6%; có môn học dưới 5: 60 HS, chiếm 0,4%. Đánh giá về năng lực: Tất cả các năng lực đề đạt mức tốt hoặc đạt: 15.086 HS, đạt 99,7%; có ít nhất một năng lực không đạt: 48 HS, chiếm 0,3%. Phẩm chất: Tất cả các phẩm chất đề đạt mức tốt hoặc đạt: 15.099 HS, đạt 99,8%; có ít nhất một phẩm chất không đạt: 35 HS, chiếm 0,2%. Duy trì sĩ số HS đạt 100%.

- Bậc THCS: Kết quả xếp loại 2 mặt giáo dục tiếp tục có chuyển biến tích cực so với cùng kỳ năm trước: Xếp loại Hạnh kiểm: Tốt: 7.485 HS, đạt tỷ lệ: 79,0% (tăng 2,46%); Khá: 1.779 HS, đạt tỷ lệ: 18,8% (giảm 2,21%); TB: 196 HS, đạt tỷ lệ: 2,1% (giảm 0,23%); Yếu: 11 HS, đạt tỷ lệ: 0,1% (giảm 0,02%). Xếp loại học lực: Giỏi: 2.610 HS, đạt tỷ lệ: 27,6% (tăng 0,18%); Khá: 4.242 HS, đạt tỷ lệ: 44,8% (giảm 0,07%); TB: 2.370 HS, đạt tỷ lệ: 25,0% (tăng 0,05%); Yếu: 249 HS, đạt tỷ lệ: 2,6% (giảm 0,12%); Kém: 2 HS, đạt tỷ lệ 0,02% (giảm 0,02%). Công tác duy trì sĩ số đạt 99,97% (bằng cùng kỳ năm trước).

Chất lượng giáo dục so với quy định của trường học đạt chuẩn quốc gia ở mức cao; chất lượng giáo dục giữa trường đạt chuẩn và chưa đạt chuẩn trên địa bàn có sự chênh lệch không đáng kể.

5. Cơ sở vật chất và thiết bị trường học

Việc tăng cường CSVC đảm bảo chất lượng dạy học được quan tâm, chú trọng. Trong năm học 2017-2018, thành phố tiếp tục tăng cường xây dựng CSVC cho các trường, Trường TH Song Mai đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 27 phòng học kiên cố đảm bảo theo chuẩn quốc gia, Trường TH Tân Mỹ hoàn thành việc nâng tầng tăng thêm 04 phòng học kiên cố, Trường Tiểu học Tân Tiến đang xây dựng 18 phòng học mới, Trường Mầm non Lê Lợi hoàn thiện 12 phòng học cùng các công trình phụ trợ đã đi vào hoạt động, Trường Mầm non Song Khê hoàn thiện 08 phòng học mới, Trường Mầm non Tân Tiến hoàn thiện công trình phòng học tại khu UBND xã cũ, Trường Mầm non Đồng Sơn tiếp tục hoàn thiện 08 phòng học mới cùng các công trình phụ trợ đảm bảo với các tiêu chuẩn, quy chuẩn về diện tích, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo quy định của Bộ GD&ĐT.

6. Kết quả huy động các nguồn vốn và công tác xã hội hóa

Trong năm vừa qua UBND thành phố tổ chức rà soát, sửa chữa các hạng mục cho các nhà trường đảm bảo cho hoạt động giáo dục với tổng kinh phí khoảng 15.395 triệu đồng.

Công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển GD&ĐT, xây dựng CSVC trường học. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư giáo dục ngoài công lập, đặc biệt là giáo dục mầm non. Trong năm học 2017-2018, đã huy động tổ chức KFHI-Hàn Quốc tài trợ kinh phí xây dựng nhà vệ sinh tầng 2, 3; xây cầu nối 2 khối lớp học; sửa chữa nhà vệ sinh cũ của Trường Tiểu học Nam Hồng; làm mái che sân trường, lát nền sân trường, sửa chữa, xử lý thấm dột phòng lớp học, rãnh thoát nước của Trường Mầm non Hoa Hồng với tổng số tiền là 1.999.677 triệu đồng. Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam tài trợ xây dựng nhà vệ sinh, lắp đặt hệ thống lọc nước cho 03 trường: THCS Đồng Sơn, THCS Song Mai và Tiểu học Lê Hồng Phong với tổng kinh phí là 724 triệu đồng.

Tổng kinh phí đã đầu tư giai đoạn 2016-2018 cho trường học đạt chuẩn quốc gia là 76.435 triệu đồng, trong đó:

- Bậc mầm non: 39.730 triệu đồng (ngân sách tỉnh: 1.952 triệu đồng; ngân sách thành phố: 36.728 triệu đồng; các nguồn huy động khác: 1.050 triệu đồng).

- Bậc tiểu học: 23.525 triệu đồng (ngân sách thành phố: 17.456 triệu đồng; chi thường xuyên của trường: 458 triệu đồng; các nguồn huy động khác: 981 triệu đồng).

- Bậc THCS: 13.180 triệu đồng (ngân sách tỉnh: 1.075 triệu đồng; ngân sách thành phố: 7.225 triệu đồng; ngân sách xã: 4.519 triệu đồng; chi thường xuyên của trường: 46 triệu đồng; các nguồn huy động khác: 243 triệu đồng).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Thành ủy, HĐND và sự chỉ đạo quyết liệt của UBND thành phố; sự phối hợp chặt chẽ của các phòng, ban chuyên môn và UBND các phường, xã; sự tham gia tích cực của các đoàn thể xã hội, của phụ huynh học sinh và giáo viên thông qua việc kiểm tra, giám sát cộng đồng đã góp phần không nhỏ trong việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch.

Kế hoạch được triển khai thực hiện và hoàn thành theo phân kỳ; tiến độ đầu tư xây dựng, thi công các công trình đảm bảo kế hoạch đề ra. Chất lượng các công trình đảm bảo quy định và đáp ứng yêu cầu.

2. Khó khăn, hạn chế

Tiến độ hoàn thiện công trình trường học còn chậm do báo cáo tiến độ của một số Chủ đầu tư còn chưa kịp thời, chưa đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của UBND thành phố.

Còn 04 trường chưa đạt được công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia: Trường THCS Lê Quý Đôn, Trường Mầm non Quốc tế ASEAN, Trường Tiểu học Thu Hương và Trường Mầm non Lê Lợi. Do Trường THCS Lê Quý Đôn, Trường Mầm non Quốc tế ASEAN mới được thành lập; Trường Tiểu học Thu Hương, Trường Mầm non Lê Lợi đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị UBND tỉnh kiểm tra công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia.

3. Nguyên nhân

Để đạt được những kết quả trên là do được sự quan tâm của HĐND - UBND tỉnh, thành phố, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội của thành phố, sự ủng hộ, động viên, khuyến khích của các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân, ...

Ngoài kết quả đã đạt được, thành phố chưa thực hiện 100% trường học đạt chuẩn quốc gia do có 02 trường mới được thành lập.

III. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2018-2020

1. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể đến năm 2020

Kế hoạch đến năm 2020 thành phố đảm bảo duy trì và củng cố vững chắc kết quả đạt chuẩn quốc gia đối với các trường đã đạt chuẩn quốc gia; xây dựng thêm 02 trường đề nghị công nhận mới trường học đạt chuẩn quốc gia (Trường THCS Lê Quý Đôn, Trường Mầm non quốc tế Asean) trong năm 2020.

2. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

Tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề theo Kế hoạch số 60-KH/TU ngày 24/9/2014 của Thành ủy Bắc Giang về Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" để tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động về đổi mới giáo dục, đào tạo.

Hằng năm, chỉ đạo Phòng GD&ĐT ban hành kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, nâng mức trường chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, tiểu học đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn.

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị trường mầm non đảm bảo chất lượng theo quy định tại TCVN 3907:2011 và các quy định tại Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Tập trung các nguồn lực, ưu tiên bố trí ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng cho các trường trong diện công nhận lại, công nhận mới trường học đạt chuẩn quốc gia.

Tiếp tục duy trì vững chắc trình độ đạt chuẩn, trên chuẩn của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; hằng năm chỉ đạo Phòng GD&ĐT xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

Thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các nhà đầu tư thành lập các trường học trên địa bàn thành phố.

3. Về tổ chức thực hiện

UBND thành phố thành lập Ban chỉ đạo xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia cấp thành phố. Chi đạo UBND xã, phường thành lập Ban chỉ đạo xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia cấp xã, phường.

Chi đạo phòng GD&ĐT phối hợp với phòng KH-TC thực hiện công tác tham mưu kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia hằng năm và tham mưu công tác kiểm tra, tổng hợp báo cáo từ các trường trong kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia. Tham mưu báo cáo về công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia khi có văn bản yêu cầu của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT.

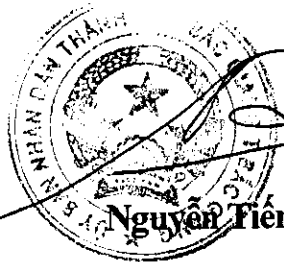
Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Sở GD&ĐT (B/c);
- TT Thành ủy, HĐND, UBND TP (B/c);
- Các phòng: GD&ĐT, TC-KH;
- VP: LÊ, CVVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiên Dũng

KẾT QUẢ XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA BẠC MÀM NON GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Bắc Giang)

Biểu số 1

TT	Huyện	Tổng số trường mầm non	Trường đã đạt chuẩn (Lấy kế)		Trường được công nhận đạt chuẩn từ tháng 1/2016 đến 30/6/2018						Số trường đã hết thời hạn 5 năm chưa được công nhận lại	Số trường chưa đạt chuẩn						Ghi chú		
			Tổng số	Chia ra		Công nhận lại			Công nhận mới			Tổng số trường chưa đạt chuẩn	Đối chiếu với 5 tiêu chuẩn (Đối với trường chưa công nhận đạt chuẩn)							
				Đạt chuẩn mức độ 1	Đạt chuẩn mức độ 2	Tổng số	Đạt chuẩn mức độ 1	Đạt chuẩn mức độ 2	Tổng số	Đạt chuẩn mức độ 1			Đạt chuẩn mức độ 2	Số trường đạt tiêu chuẩn 1	Số trường đạt tiêu chuẩn 2	Số trường đạt tiêu chuẩn 3	Số trường đạt tiêu chuẩn 4		Số trường đạt tiêu chuẩn 5	Số trường không đạt TC nào
10	TP Bắc Giang	20	18	10	8	5	4	1	1		1	0	2	2	1	2	1	2		
Tổng số		20	18	10	8	5	4	1	1	0	1	0	2	2	1	2	1	2		

KẾT QUẢ XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA BẬC THCS, TH&THCS GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Bắc Giang)

Biểu số 3

TT	Huyện	Tổng số trường THCS, TH&THCS	Số trường đã đạt chuẩn (Lũy kế)	Trường được công nhận đạt chuẩn từ tháng 1/2016 đến 30/6/2018		Số trường đã hết thời hạn 5 năm chưa được công nhận lại	Số trường chưa đạt chuẩn						Ghi chú	
				Công nhận lại	Công nhận mới		Tổng số trường chưa đạt chuẩn	Đối chiếu với 5 tiêu chuẩn (Đối với trường chưa công nhận đạt chuẩn)						Số trường không đạt TC nào
								Số trường đạt tiêu chuẩn 1	Số trường đạt tiêu chuẩn 2	Số trường đạt tiêu chuẩn 3	Số trường đạt tiêu chuẩn 4	Số trường đạt tiêu chuẩn 5		
10	TP Bắc Giang	17	16	5		0	1	1	1		1			
Tổng số		17	16	5	0	0	1	1	1	0	1	0		



LŨY KẾ CÁC TRƯỜNG ĐÃ ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA TÍNH ĐẾN 30/6/2018

(Kèm theo Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Bắc Giang)

Biểu số 5

Xã, phường, thị trấn	Mầm non				Tiểu học				THCS		THPT	
	TT	Tên trường	Đạt mức độ 1	Đạt mức độ 2	TT	Tên trường	Đạt mức độ 1	Đạt mức độ 2	TT	Tên trường	TT	Tên trường
Ngô Quyền	1	Ngô Quyền	1	1	1	Ngô Sĩ Liên	1	1	1	Ngô Sĩ Liên		
Trần Phú	2	Sao Mai	1		2	Trần Phú	1		2	Trần Phú		
Hoàng Văn Thụ	3	Hoa Sen	1		3	Võ Thị Sáu	1		3	Hoàng Hoa Thám		
	4	Thu Hương	1	1								
Lê Lợi	5	NewWorld Trần Luận	1	1	4	Lê Lợi	1	1	4	Lê Lợi		
Mỹ Độ	6	Mỹ Độ	1	1	5	Minh Khai	1	1	5	Mỹ Độ		
Thọ Xương	7	Hoa Hồng	1	1	6	Nam Hồng	1		6	Hoàng Văn Thụ		
Trần Nguyên Hãn	8	Trần Nguyên Hãn	1	1	7	Lê Hồng Phong	1	1	7	Trần Nguyên Hãn		
	9	Bắc Giang	1	1								
Xương Giang	10	Bình Minh	1	1	8	Đông Thành	1		8	Xương Giang		
Dĩnh Kế	11	Dĩnh Kế	1		9	Dĩnh Kế	1	1	9	Dĩnh Kế		
Đa Mai	12	Đa Mai	1		10	Đa Mai	1		10	Lý Tự Trọng		
Song Mai	13	Song Mai	1		11	Song Mai	1		11	Song Mai		
Tân Mỹ	14	Tân Mỹ	1		12	Tân Mỹ	1		12	Tân Mỹ		
Tân Tiến	15	Tân Tiến	1		13	Tân Tiến	1		13	Tân Tiến		
Song Khê	16	Song Khê	1		14	Nguyễn Khắc Nhu	1		14	Nguyễn Khắc Nhu		
Đồng Sơn	17	Đồng Sơn	1		15	Đồng Sơn	1		15	Đồng Sơn		
Dĩnh Trì	18	Dĩnh Trì	1		16	Dĩnh Trì	1		16	Dĩnh Trì		

TỔNG HỢP CÁC XÃ CÓ TRƯỜNG MN, TH, THCS, TH&THCS ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

(Kèm theo Báo cáo số 245/BC-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Bắc Giang)

Biểu số 7

TT	Xã	Tổng số trường MN, TH, THCS, TH&THCS	Xã, Phường, Thị trấn có 100% trường đạt chuẩn quốc gia	Xã, Phường, Thị trấn có trường thuộc 3 cấp học đạt chuẩn quốc gia	Xã, Phường, Thị trấn có 2 cấp học đạt chuẩn quốc gia	Xã, Phường, Thị trấn có 1 cấp học đạt chuẩn quốc gia	Xã, Phường, Thị trấn chưa có trường đạt chuẩn
1	Ngô Quyền	3	1	1			
2	Trần Phú	3	1	1			
3	Hoàng Văn Thụ	5		1			
4	Lê Lợi	4		1			
5	Mỹ Độ	3	1	1			
6	Thọ Xương	3	1	1			
7	Trần Nguyên Hãn	4	1	1			
8	Xương Giang	4		1			
9	Dĩnh Kế	4		1			
10	Đa Mai	3	1	1			
11	Song Mai	3	1	1			
12	Tân Mỹ	3	1	1			
13	Tân Tiến	3	1	1			
14	Song Khê	3	1	1			
15	Đồng Sơn	3	1	1			
16	Dĩnh Trì	3	1	1			
Tổng		54	12	16	0	0	0

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG CQG BẠC MÀM NON GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Bắc Giang)

Biểu số 8

TT	Huyện	Mở rộng diện tích		Xây phòng học, phòng bộ môn		Xây phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ (phòng kho thiết bị, thư viện, hiệu bộ, phòng y tế, bảo vệ, công trình vệ sinh, ...)		Sân, tường rào, ...		Mua sắm thiết bị		Kinh phí (Triệu đồng)					
		Diện tích (m ²)	Kinh phí (Tr.đồng)	Số phòng	Kinh phí (Tr.đồng)	Số phòng (công trình)	Kinh phí (Tr.đồng)	Công trình	Kinh phí (Tr.đồng)	Bộ (cái)	Kinh phí (Tr.đồng)	Tổng số	Chia ra				
													NS tỉnh, TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Chi thường xuyên của trường	Các nguồn huy động khác
1	Tổng số	4,050	1,215	25	35,104	0	0	4	1,251	720	2,160	39,730	1,952	36,728	0	0	1,050
10	TP Bắc Giang	4,050	1,215	25	35,104	0	0	4	1,251	720	2,160	39,730	1,952	36,728	-	0	1,050

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG CQG BẬC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Bắc Giang)

Biểu số 9

TT	Huyện	Mở rộng diện tích		Xây phòng học, phòng bộ môn		Xây phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ (phòng thiết bị, thư viện, hiệu bộ, phòng y tế, bảo vệ, công trình vệ sinh, ...)		Sân, tường rào, ...		Mua sắm thiết bị		Kinh phí (Triệu đồng)					
		Diện tích (m ²)	Kinh phí (Tr.đồng)	Số phòng	Kinh phí (Tr.đồng)	Số phòng (công trình)	Kinh phí (Tr.đồng)	Công trình	Kinh phí (Tr.đồng)	Bộ (cái)	Kinh phí (Tr.đồng)	Tổng số	Chia ra				
													NS tỉnh, TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Chi thường xuyên của trường	Các nguồn huy động khác
1	Tổng số	4,500	1,350	28	18,299	4	2,147	21	318	198	1,411	23,525	0	17,456	4,630	458	981
10	TP Bắc Giang	4,500	1,350	28	18,299	4	2,147	21	318	198	1,411	23,525	0	17,456	4,630	458	981

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG CQG BẬC THCS GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Bắc Giang)

Biểu số 10

TT	Huyện	Mở rộng diện tích		Xây phòng học, phòng bộ môn		Xây phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ (phòng thiết bị, thư viện, hiệu bộ, phòng y tế, bảo vệ, công trình vệ sinh, ...)		Sân, tường rào, ...		Mua sắm thiết bị		Kinh phí (Triệu đồng)					
		Diện tích (m ²)	Kinh phí (Tr.đồng)	Số phòng	Kinh phí (Tr.đồng)	Số phòng (công trình)	Kinh phí (Tr.đồng)	Công trình	Kinh phí (Tr.đồng)	Bộ (cái)	Kinh phí (Tr.đồng)	Tổng số	Chia ra				
													NS tỉnh, TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Chi thường xuyên của trường	Các nguồn huy động khác
1	Tổng số	0	0	12	8,800	10	1,333	11	1,359	252	1,688	13,180	1,075	7,225	4,591	46	243
10	TP Bắc Giang	0	0	12	8,800	10	1,333	11	1,359	252	1,688	13,180	1,075	7,225	4,591	46	243

THÀNH CỘNG